

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày:12-01-2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Đặng Văn Đề

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thảo–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nhung– Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Tiến D, sinh năm 1980 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D: Ông Lê Văn N, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Võ Thị Út H, sinh năm 1980 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Bà Vũ Thị HA, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng

Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Nguyên đơn ông Phan Tiến D trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Phan Tiến D và ông Nguyễn Tấn T là hàng xóm. Do cần tiền để làm vốn kinh doanh nên từ ngày 06/12/2018 đến ngày 01/10/2019 ông T hỏi vay và được ông D cho vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, với các khoản vay cụ thể như sau:

Ngày 06/12/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;

Ngày 12/4/2019 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;

Ngày 02/5/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;

Ngày 08/5/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng;

Ngày 02/9/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng;

Ngày 01/10/2019 vay số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/10/2019 đến ngày 25/12/2019.

Mỗi khoản vay nêu trên được thể hiện bằng Hợp đồng vay tiền tương ứng cùng ngày. Những Hợp đồng vay tiền đều do ông D đánh mẫu sẵn và ông T là người viết tay thêm nội dung, ký và ghi rõ họ tên tại nhà ông D. Ông D giao tiền và ông T là người nhận. Việc vay tiền không có lãi. Các Hợp đồng vay tiền chỉ có một bản chính do ông D là người giữ.

Kể từ thời điểm vay lần đầu đến nay ông T có trả cho ông D tại nhà ông D số tiền 14.000.000 đồng nhưng ông D không nhớ cụ thể thời gian trả, trả cho khoản vay nào.

Đến hạn từng khoản vay ông T cứ khất lần mặc dù ông D liên tục nhắc nhở, đôn đốc trả nợ. Cuối năm 2019 ông D bị tai nạn, sức khỏe suy giảm, không đi lại được, không có tiền chi trả các khoản thuốc thang, sinh hoạt hàng ngày. Ông D đã nhiều lần liên hệ ông T để yêu cầu trả nợ nhưng ông T vẫn cố tình né tránh.

Nay ông D khởi kiện ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông D số tiền nợ vay 136.000.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) kèm theo tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả 136.000.000 đồng tính từ ngày 03/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông Nguyễn Tấn T biết nguyên đơn ông Phan Tiến D vì nguyên đơn và ông T là hàng xóm. Sau khi được Tòa án cho tiếp cận các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các Hợp đồng vay tiền ngày 06/12/2018; 12/4/2019; 02/5/2019; 08/5/2019; 02/9/2019; 01/10/2019 (BL 06-11TA) thì ông T xác nhận tất cả những chữ viết tay, chữ ký ghi rõ họ tên

Nguyễn Tấn T trong các Hợp đồng vay tiền nêu trên đều do ông T viết và ký vào. Đây là những chứng cứ thể hiện việc ông T vay tiền của một người tên Dũng, không phải là ông D nguyên đơn, tuy nhiên nay ông T không nhớ cụ thể họ tên, địa chỉ của ông D. Các Hợp đồng vay tiền này được lập ở nhiều quán cà phê khác nhau, ông T không nhớ tên quán và địa chỉ, được lập thành duy nhất 01 bản chính giao cho ông D là người giữ. Sau khi lập xong hợp đồng thì ông D giao tiền cho ông T. Ông D cho ông T vay với lãi suất thỏa thuận không bằng văn bản là 30%/tháng. Ông T đã trả tiền lãi cho ông D theo từng khoản vay từ ngày ký Hợp đồng vay tiền đến cuối năm 2019 thì ngưng trả lãi cho tất cả các khoản vay. Đối với tổng số tiền nợ gốc thì ông đã trả cho ông D, chỉ còn nợ 7.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T không đồng ý. Ông T không tranh chấp, yêu cầu gì trong vụ án.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Út H: Bà H là vợ của ông Phan Tiến D. Số tiền ông D cho ông T vay là khoản tiền cá nhân của ông D, không liên quan đến bà. Về quan hệ vay- cho vay giữa ông D và ông T thì bà không biết gì. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D. Trong vụ án này bà không tranh chấp yêu cầu gì.

3.2. Bà Vũ Thị HA: Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà HA nhiều lần để đến Tòa tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà HA vẫn vắng mặt không có lý do.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Tiến D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn T phải trả lại cho ông D số tiền 136.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 03/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phan Tiến D và bị đơn ông Nguyễn Tấn T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thủ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H thực hiện đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HA chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phan Tiến D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Tấn T phải trả lại cho ông D số tiền nợ vay 136.000.000 đồng kèm theo tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả 136.000.000 đồng tính từ ngày 03/7/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phan Tiến D và bị đơn ông Nguyễn Tấn T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông Phan Tiến D; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D là ông Lê Văn N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Út H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Tấn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị HA vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt các ông bà Dũng, Nam, Hiền, Triều, Hà theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung tranh chấp:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiến D:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tiến D và ông Nguyễn Tấn T đều xác định các chứng cứ do ông D cung cấp là các Hợp đồng vay tiền ngày 06/12/2018; 12/4/2019; 02/5/2019; 08/5/2019; 02/9/2019; 01/10/2019 (BL 06-11TA) được lập thành duy nhất 01 bản chính. Ông T xác định chính ông là người viết tay, ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Tấn T vào mục người vay tại các Hợp đồng vay tiền nêu trên. Các Hợp đồng vay tiền này chính là chứng cứ thể hiện ông có vay tiền của ông D nhưng không phải là ông D nguyên đơn, tuy nhiên lời trình bày này của ông T không được nguyên đơn ông D thừa nhận và ông T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó nguyên đơn ông D khởi kiện với chứng cứ chính là các Hợp đồng vay tiền nêu trên được ông T thừa nhận. Như vậy có đủ cơ sở để xác định người cho ông T vay theo các Hợp đồng vay tiền nêu trên chính là nguyên đơn ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/12/2018 ông D cho ông T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 06/12/2018;

Ngày 12/4/2019 ông D cho ông T vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 12/4/2019;

Ngày 02/5/2019 ông D cho ông T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 02/5/2019;

Ngày 08/5/2019 ông D cho ông T vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 08/5/2019;

Ngày 02/9/2019 ông D cho ông T vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng tính từ ngày 02/9/2019;

Ngày 01/10/2019 ông D cho ông T vay 55.000.000 đồng, thời hạn vay tính từ ngày 01/10/2019, hạn trả nợ là ngày 25/12/2019;

Như vậy tổng số tiền ông D cho ông T vay là 150.000.000 đồng. Ông D xác định ông T đã trả cho ông D 14.000.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu ông T trả số tiền 136.000.000 đồng. Theo các Hợp đồng vay này thì từng Hợp đồng vay đều đã đến hạn trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T trả lại khoản tiền nợ gốc 136.000.000 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận.

[2.2] Ông D còn yêu cầu ông T phải trả cho ông D tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả 136.000.000 đồng tính từ ngày 03/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các Hợp đồng vay tiền nêu trên thì xác định các khoản vay theo các Hợp đồng vay tiền này không có lãi. Đến hạn từng hợp đồng ông T vẫn không thực hiện được việc trả nợ cho ông D nên ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông D khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho từng khoản vay. Tuy nhiên nay ông D chỉ yêu cầu ông T trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên tổng số tiền chậm trả của tất cả các hợp đồng vay là 136.000.000 đồng tính từ ngày 03/7/2020 là ngày đến hạn trả nợ của hợp đồng vay ngày 02/9/2019. Xét đây là tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Cụ thể khoản tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 03/7/2020 đến ngày 12/01/2022 là 18 tháng 10 ngày.

$136.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 20.318.400 \text{ đồng} + 376.266 \text{ đồng} = 20.694.666 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền ông T phải có trách nhiệm trả cho ông D là $136.000.000 \text{ đồng} + 20.694.666 \text{ đồng} = 156.694.666 \text{ đồng}.$

Ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của ông T.

[3] Trong vụ án này không có yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí cho yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiến D được Tòa án chấp nhận.

Ông Phan Tiến D thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiến D đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Tấn T có trách nhiệm trả cho ông Phan Tiến D số tiền 156.694.666 (một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn T phải nộp 7.834.733 (bảy triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi ba) đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận :

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Thương